



Dell C5519Q


Sổ hướng dẫn sử dụng

Mẫu màn hình: C5519Q
Mẫu quy chuẩn: C5519Qc



 **LƯU Ý: LƯU Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.

 **CHÚ Ý: LƯU Ý** cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.

 **CẢNH BÁO: CẢNH BÁO** cho biết khả năng bị hư hỏng tài sản, thương tật cá nhân hoặc tử vong.

Bản quyền © 2018 Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Bảo lưu mọi bản quyền.

Dell, EMC và các thương hiệu khác là các thương hiệu của Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của các đơn vị sở hữu liên quan.

2018 – 09

Bản sửa đổi A00

Mục lục

Giới thiệu màn hình của bạn	6
Phụ kiện đóng gói	6
Tính năng sản phẩm	7
Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển	8
Mặt trước	8
Mặt sau	9
Mặt bên cạnh	10
Mặt dưới	11
Thông số kỹ thuật màn hình	12
Thông số kỹ thuật độ phân giải	14
Hỗ trợ chế độ xem video	14
Chế độ hiển thị cài sẵn	14
Thông số kỹ thuật điện	15
Đặc tính vật lý	15
Đặc tính môi trường	16
Chế độ quản lý nguồn	17
Tính năng Plug and Play (Cắm Là Chạy)	19
Chính sách chất lượng & điểm ảnh màn hình LCD	19
Lắp đặt màn hình	20
Kết nối màn hình của bạn	20
Cắm cáp VGA	20
Kết nối cáp HDMI	21
Cắm cáp DP	21


Kết nối cáp USB	21
Cắm cáp âm thanh (đặt mua tùy chọn)	22
Gắn lên tường	23
Điều khiển từ xa	24
Lắp pin vào điều khiển từ xa.	25
Cắm điều khiển từ xa.	26
Phạm vi hoạt động của điều khiển từ xa	26
Sử dụng màn hình	27
Bật nguồn màn hình.	27
Sử dụng các nút điều khiển	28
Các nút điều khiển menu OSD.	29
Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD).	30
Truy cập menu OSD	30
Thông tin cảnh báo OSD	42
Quản lý Ethernet/Web Màn hình Dell.	45
Khóa OSD và nút nguồn	50
Khắc phục sự cố	52
Tự kiểm tra.	52
Chẩn đoán tích hợp	54
Sự cố liên quan đến sản phẩm	58
Phụ lục.	59
Hàng d n an toàn	59
Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác	59
Liên hệ với Dell	59

Thiết lập màn hình của bạn	60
Cài độ phân giải màn hình sang 3840 x 2160 (tối đa)	60
Máy tính Dell	61
Máy tính không phải của Dell	61
Hướng dẫn bảo dưỡng	62
Vệ sinh màn hình	62
Cách gán chấu cắm	63

Giới thiệu màn hình của bạn

Phụ kiện đồng gói

Màn hình của bạn được gửi cùng với các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện này và [Liên hệ với Dell](#) nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào.

 **LƯU Ý: Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.**

	Màn hình
	Điều khiển từ xa & Pin (2 viên pin AAA)
	Cáp nguồn (khác nhau tùy theo mỗi quốc gia)
	Cáp VGA
	Cáp HDMI



	Cáp DP (DP kết nối DP)
	Cáp ngược dòng USB 3.0 (kích hoạt các cổng USB trên màn hình)
	Kẹp cáp: 3 cái
	<ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn, môi trường và quy định (SERI)

Tính năng sản phẩm

Màn hình phẳng **Dell C5519Q** tích hợp một màn hình tinh thể lỏng (LCD) ma trận hoạt động, bóng bán dẫn dẫn màng mỏng (TFT) và đèn nền LED. Các tính năng của màn hình gồm:

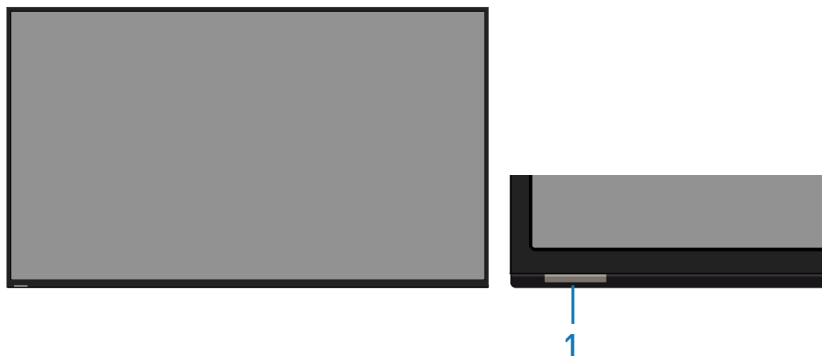
- **C5519Q:** Hiển thị vùng xem 1386,84 mm (54,6 inch) (đo theo đường chéo), độ phân giải 3840 x 2160, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình với độ phân giải thấp hơn.
- Các lỗ lắp đặt 400 mm x 400 mm theo Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA) giúp mang lại các giải pháp lắp đặt linh động.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống.
- Kết nối kỹ thuật số với cổng cắm DisplayPort và HDMI.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Khe khóa an toàn
- Khả năng quản lý tài sản.
- Thoải mái mắt tối đa với màn hình không nhấp.

⚠ CẢNH BÁO: Tác hại lâu dài tiềm ẩn của việc phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây tổn thương mắt, bao gồm mỏi mắt, căng mắt kỹ thuật số,... Tính năng **ComfortView** được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình nhằm giúp mắt thoải mái tối ưu.



Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

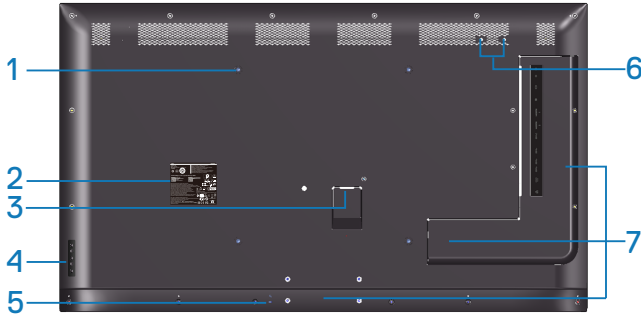
Mặt trước



1	Ống kính hồng ngoại (tích hợp đèn báo LED)
---	--



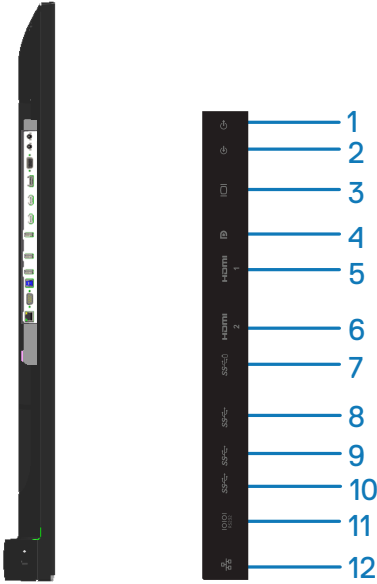
Mặt sau



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ gắn giá treo VESA (400 mm x 400 mm)	Để lắp đặt màn hình.
2	Nhãn quy định	Danh sách các nhãn quy định được phê duyệt.
3	Đầu cắm nguồn AC	Để cắm cáp nguồn màn hình.
4	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử dụng màn hình)	Dùng các nút ở mặt sau màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.
5	Khe khóa an toàn	Bảo vệ màn hình bằng khóa an toàn.
6	Lỗ vặn vít	Dùng để lắp đặt phụ kiện.
7	Vị trí các kẹp cáp	Dán các kẹp cáp lên các vị trí này để sắp xếp các loại cáp.



Mặt bên cạnh

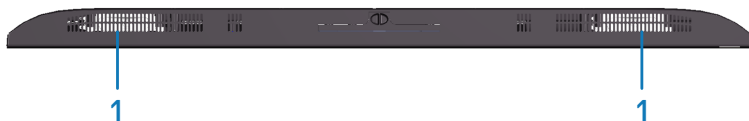


Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Cổng ra âm thanh	Kết nối với các thiết bị ngoại vi âm thanh bên ngoài. Chỉ hỗ trợ âm thanh 2 kênh. LƯU Ý: Cổng ra âm thanh không hỗ trợ các tai nghe.
2	Cổng vào âm thanh	Đầu vào âm thanh analog (hai kênh)
3	Đầu cắm VGA	Kết nối máy tính bằng cáp VGA.
4	Cổng cắm DP	Kết nối máy tính bằng cáp DP.
5	Đầu cắm HDMI 1	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.
6	Đầu cắm HDMI 2	
7	Cổng sạc chuyên dụng USB	USB 3.0 với nguồn điện 10 W (5V/2.0A)
8	Cổng USB 3.0 downstream (dùng cho thiết bị cá nhân)	Kết nối thiết bị USB. Bạn chỉ có thể sử dụng cổng cắm này sau khi đã cắm cáp USB vào máy tính và cổng cắm ngược dòng USB trên màn hình.



9	Cổng USB 3.0 downstream (dùng cho thiết bị cá nhân)	Kết nối thiết bị USB. Bạn chỉ có thể sử dụng cổng cắm này sau khi đã cắm cáp USB vào máy tính và cổng cắm ngược dòng USB trên màn hình.
10	Cổng USB 3.0 upstream (dùng cho máy tính)	Cắm cáp USB kèm theo màn hình vào máy tính. Một khi đã cắm cáp này, bạn có thể sử dụng cổng cắm xuôi dòng USB trên màn hình.
11	Đầu cắm RS232	Quản lý từ xa và điều khiển màn hình qua cổng RS232
12	Cổng RJ-45	Quản lý mạng từ xa và điều khiển màn hình qua cổng RJ-45.


Mặt dưới



1	Các loa
----------	---------



Thông số kỹ thuật màn hình

Mẫu	C5519Q
Loại màn hình	Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động
Loại tấm nền	Căn chỉnh dọc
Tỉ lệ khung hình	16:9
Hình có thể xem	
Nghiêng	1386,8 mm (54,6 trong)
Vùng hoạt động ngang	1209,6 mm (47,6 trong)
Vùng hoạt động dọc	680,4 mm (26,8 trong)
Vùng	823011,8 mm ² (1275,7 trong ²)
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,315 mm (Rộng) * 0,315 mm (Cao)
Pixel/inch (PPI)	80
Góc xem	
Ngang	178° (chuẩn)
Dọc	178° (chuẩn)
Công suất độ sáng	350 cd/m ² (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	4000:1 (chuẩn)
Lớp phủ bề mặt	Chống chói với lớp phủ cứng 3H, độ mờ 2%
Đèn nền	Hệ thống vạch sáng đèn LED
Thời gian đáp ứng	Chuẩn 8 mili giây (Lục sang Lục)
Độ sâu màu	1,07 tỷ màu (chuẩn)
Gam màu	72% theo Ủy ban Tiêu chuẩn Truyền hình Quốc gia (NTSC) (Commission Internationale de L'Eclairage (CIE) 1931)  LƯU Ý: Gam màu (chuẩn) dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm CIE1976 (82%) và CIE1931 (72%).
Các thiết bị tích hợp	<ul style="list-style-type: none">• Bộ cổng cắm siêu tốc USB 3.0 (tích hợp 1 cổng USB 3.0 upstream)• 3 cổng USB 3.0 downstream (bao gồm 1 cổng sạc USB 3.0 BC1.2, hỗ trợ nguồn điện 2.0A)



Các cổng và đầu cắm	<ul style="list-style-type: none"> • 1 cổng ra âm thanh • 1 cổng vào âm thanh • 1 cổng VGA • 1 cổng DisplayPort phiên bản 1.2 • 2 cổng HDMI phiên bản 2.0 • 1 cổng sạc chuyên dụng USB • 2 cổng USB 3.0 downstream • 1 cổng USB 3.0 upstream • 1 cổng RS232 • 1 cổng RJ-45
Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động)	
Phía trên/Bên trái/Phải	15,7 mm (0,61 trong)
Phía dưới	25,55 mm (1,01 trong)
Độ tương thích quản lý màn hình Dell	Có
Độ an toàn	Khe cắm khóa an toàn (cáp khóa được bán riêng)
Quản lý cáp	Có



Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mẫu	C5519Q
Dải quét ngang	30 kHz - 160 kHz (tự động)
Dải quét dọc	23 Hz - 80 Hz (tự động)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	3840 x 2160 ở tần số 60 Hz

Hỗ trợ chế độ xem video

Mẫu	C5519Q
Khả năng hiển thị video (phát lại HDMI&DP)	480p, 576p, 720p, 1080p, 1080i, 2160p

Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,0	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 900	55,5	60,0	97,8	+/-
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
VESA, 3840 x 2160	67,5	30,0	297,0	+/+
VESA, 3840 x 2160	135,0	60,0	594,0	+/+



Thông số kỹ thuật điện

Mẫu	C5519Q
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none">• RGB tương tự, 0,7 Vôn +/5%, cực dương với trở kháng đầu vào 75 ohm• Cổng HDMI 2.0, 600 mV cho từng đường truyền khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt• Cổng DisplayPort 1.2, 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 2,5A (chuẩn)
Dòng điện khởi động	120 V: 30 A (Tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội) 240 V: 60 A (Tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)

Đặc tính vật lý

Mẫu	C5519Q
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none">• Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân cắm• Kỹ thuật số: Cổng HDMI, 19 chân cắm• Analog: D-Sub, 15 chân cắm• Buýt nối tiếp đa năng: USB, 9 chân cắm
Kích thước	
Chiều cao	721,5 mm (28,41 trong)
Chiều rộng	1241,0 mm (48,86 trong)
Độ dày	64,8 mm (2,55 trong)
Trọng lượng	
Trọng lượng có thùng đựng	27,57 kg (60,78 lb)
Trọng lượng khi kèm theo cáp	21,38 kg (47,13 lb)
Trọng lượng không kèm theo cáp (Xem xét đến giá đỡ treo tường hoặc giá đỡ VESA - chưa có cáp)	20,50 kg (45,19 lb)



Đặc tính môi trường

Mẫu	C5519Q
Tiêu chuẩn phù hợp	
<ul style="list-style-type: none">• Màn hình được chứng nhận ENERGY STAR• Tuân thủ quy định RoHS• Màn hình được chứng nhận TCO• Màn hình không chứa chất BFR/PVC (chưa bao gồm cáp ngoài)• Mặt kính không chứa asen và chỉ tấm nền là không chứa chất thủy ngân.	
Nhiệt độ	
Sử dụng	0 °C đến 40 °C (32 °F đến 104 °F)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none">• Bảo quản: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)• Vận chuyển: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)
Độ ẩm	
Sử dụng	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none">• Bảo quản: 10% đến 90% (không ngưng tụ)• Vận chuyển: 10% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ cao	
Sử dụng (tối đa)	Tối đa 5.000 m (16.400 foot)
Không sử dụng (tối đa)	Tối đa 12.192 m (40.000 foot)
Công suất tản nhiệt	<ul style="list-style-type: none">• 684,00 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa)• 307,80 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)



Chế độ quản lý nguồn

Nếu bạn đã lắp đặt vào PC card màn hình hay phần mềm tương thích chuẩn DPM™ của VESA, màn hình có thể tự động giảm tiêu thụ điện khi không sử dụng. Tính năng này gọi là Chế độ tiết kiệm năng lượng*. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự hoạt động trở lại. Bảng sau đây cho biết mức tiêu thụ điện và cách truyền tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

Các chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Chỉ báo nguồn điện	Tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	200 W (Tối đa)** 90 W (Chuẩn)
Chế độ hoạt động tắt (Không bật Ethernet)	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Trắng (Sáng rực)	Dưới 0,5 W
Chế độ hoạt động tắt (Bật Ethernet)	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Trắng (Sáng rực)	Dưới 2 W
Tắt	-	-	-	Tắt	Dưới 0,5 W *

Energy Star	Tiêu thụ điện
P _{ON}	85 W
E _{TEC}	116 W

* Chỉ có thể đạt mức tiêu thụ điện bằng 0 ở chế độ tắt khi rút cáp chính ra khỏi màn hình.

** Mức tiêu thụ điện tối đa với độ sáng tối đa.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.

 **LƯU Ý:** Thông báo có thể hơi khác nhau tùy theo tín hiệu đầu vào đã kết nối.



 **LƯU Ý:** Màn hình này được chứng nhận tuân thủ chuẩn ENERGY



STAR.

 **LƯU Ý:**

P_{ON}: Mức tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

E_{TEC}: Tổng năng lượng tiêu thụ tính bằng kWh được xác định trong Energy Star phiên bản 7.0.



Tính năng Plug and Play (Cắm Là Chạy)

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

Chính sách chất lượng & điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình Dell, hãy truy cập trang Hỗ trợ Dell tại www.dell.com/support/monitors.



Lắp đặt màn hình

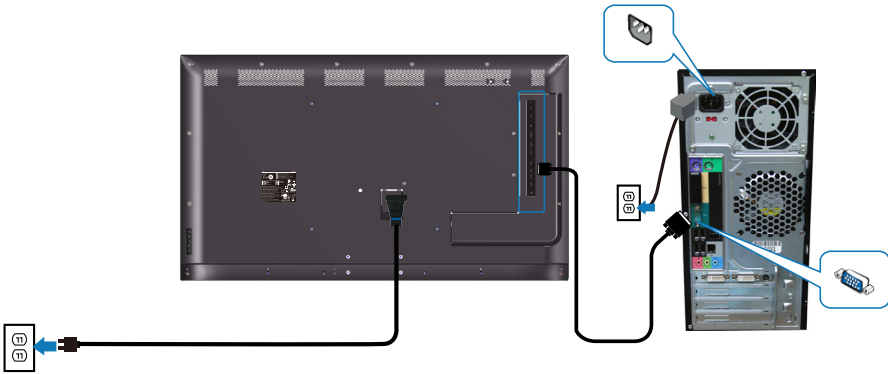
Kết nối màn hình của bạn

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).

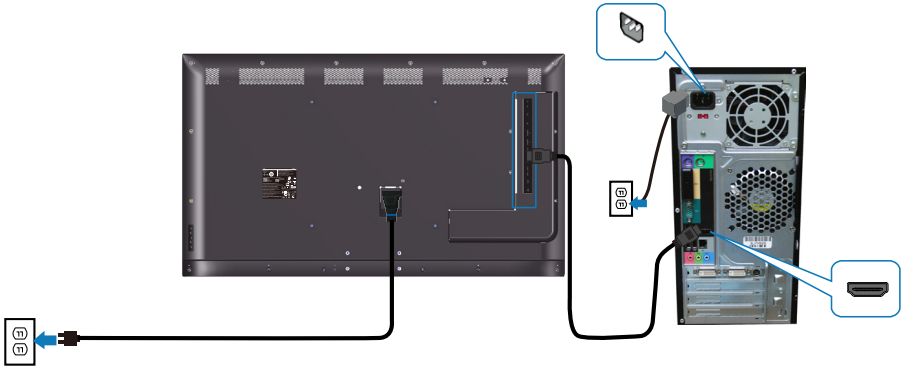
Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính.
2. Cắm cáp HDMI/DP/VGA/USB từ màn hình vào máy tính.
3. Bật màn hình.
4. Chọn nguồn tín hiệu vào chính xác trên Menu OSD màn hình và bật máy tính của bạn.

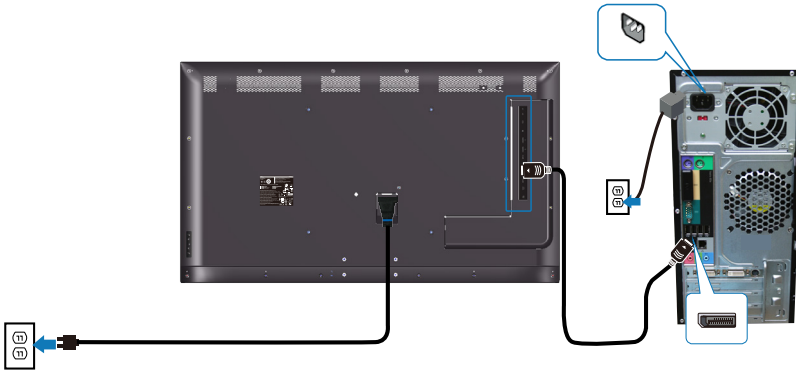
Cắm cáp VGA



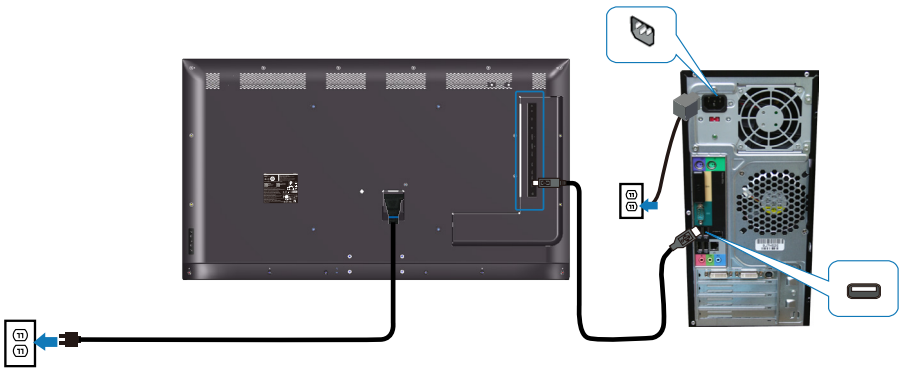
Kết nối cáp HDMI



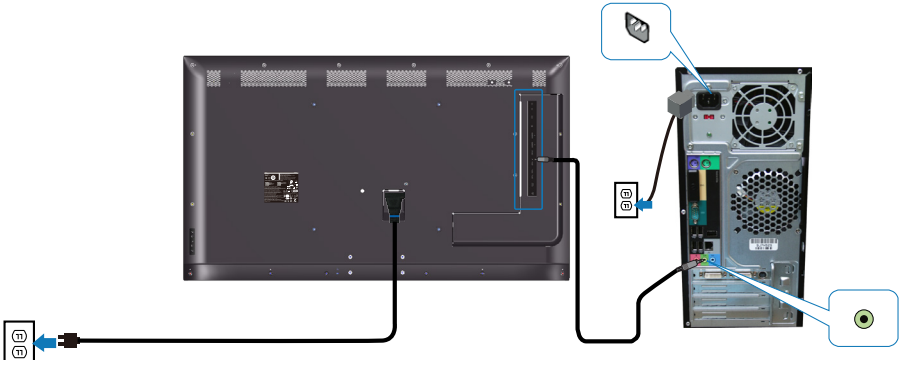
Cắm cáp DP



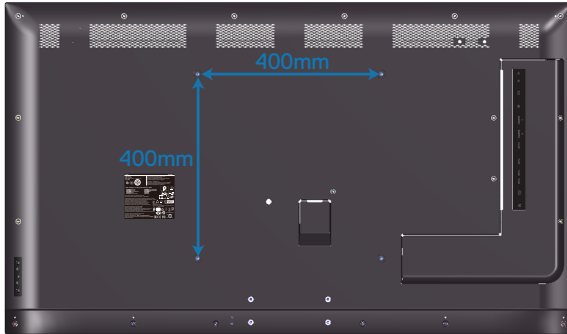
Kết nối cáp USB



Cắm cáp âm thanh (đặt mua tùy chọn)



Gắn lên tường



Kích thước lỗ vít chuẩn VESA M6 x 30 mm.

Tham khảo hướng dẫn lắp đặt kèm theo giá treo tường của bên thứ 3 nơi mà khách hàng đã mua. Bộ giá đỡ tương thích chuẩn Vesa (400 x 400) mm.

1. Gắn tấm đỡ treo tường lên tường
2. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót trên bàn phẳng ổn định.
3. Gắn giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình.
4. Gắn màn hình vào tấm đỡ treo tường.
5. Đảm bảo màn hình được gắn theo chiều dọc không bị nghiêng về phía trước hoặc phía sau và cần sử dụng thước thủy để hỗ trợ lắp đặt màn hình.

LƯU Ý: Không được tự ý gắn màn hình lên tường. Nó phải được lắp đặt bởi nhân viên lắp đặt có chuyên môn.

Giá treo tường khuyến dùng cho màn hình này có thể được tìm thấy trên trang web hỗ trợ của Dell tại www.dell.com/support.

LƯU Ý: Chỉ dùng với giá treo tường có chứng nhận UL hoặc CSA hoặc GS với trọng lượng/khả năng chịu tải tối thiểu 82 kg (180,78 cân Anh).






Điều khiển từ xa



1. Bật/tắt nguồn

Bật hoặc tắt màn hình này.

2. Nguồn vào

Chọn nguồn tín hiệu vào. Nhấn nút  hoặc  để chọn từ nguồn tín hiệu **HDMI 1, HDMI 2, VGA** hoặc **DP**. Nhấn nút  để xác nhận và thoát.

3. Lên

Nhấn để chuyển lựa chọn lên trong menu OSD.

4. Trái

Nhấn để chuyển lựa chọn sang trái trong menu OSD.

5. Xuống

Nhấn để chuyển lựa chọn xuống trong menu OSD.

6. Menu

Nhấn để bật menu OSD.

7. Giảm độ sáng

Nhấn để giảm độ sáng.

8. Giảm âm lượng

Nhấn để giảm âm lượng.

9. Tắt tiếng

Nhấn để bật/tắt chức năng tắt âm.

10. Chế độ cài sẵn

Thông tin màn hình về các chế độ cài sẵn.

11. Phải

Nhấn để chuyển lựa chọn sang phải trong menu OSD.

12. OK

Xác nhận mục nhập hoặc lựa chọn.

13. Thoát

Nhấn để thoát menu.

14. Tăng độ sáng

Nhấn để tăng độ sáng.

15. Tăng âm lượng

Nhấn để tăng âm lượng.

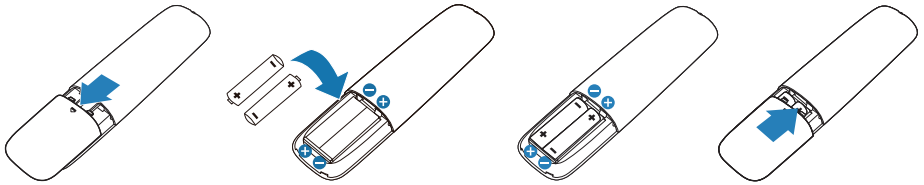


Lắp pin vào điều khiển từ xa

Điều khiển từ xa được cấp nguồn bằng hai cục pin AAA 1,5V.

Để lắp hoặc thay pin:

1. Ấn rồi trượt nắp đậy để mở.
2. Canh chỉnh các cục pin theo dấu chỉ báo (+) và (-) bên trong khoang chứa pin.
3. Đậy nắp pin lại.



⚠ CHÚ Ý: Sử dụng pin không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ hoặc nổ. Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn sau:

- Lắp các cục pin "AAA" tương ứng với dấu (+) và (-) trên từng cục pin sao cho khớp với dấu (+) và (-) trên khoang chứa pin.
- Không được kết hợp các pin khác.
- Không được kết hợp pin mới với pin đã dùng. Điều này có thể khiến pin rút ngắn tuổi thọ hoặc rò rỉ.
- Tháo các cục pin đã dùng ngay lập tức để phòng tránh bị rò rỉ chất lỏng trong khoang chứa pin. Đừng chạm vào axit chảy ra từ pin, vì nó có thể làm hỏng da của bạn.

✍ LƯU Ý: Nếu bạn có ý định không dùng điều khiển từ xa trong một thời gian dài, hãy tháo pin ra.



Cảm điều khiển từ xa

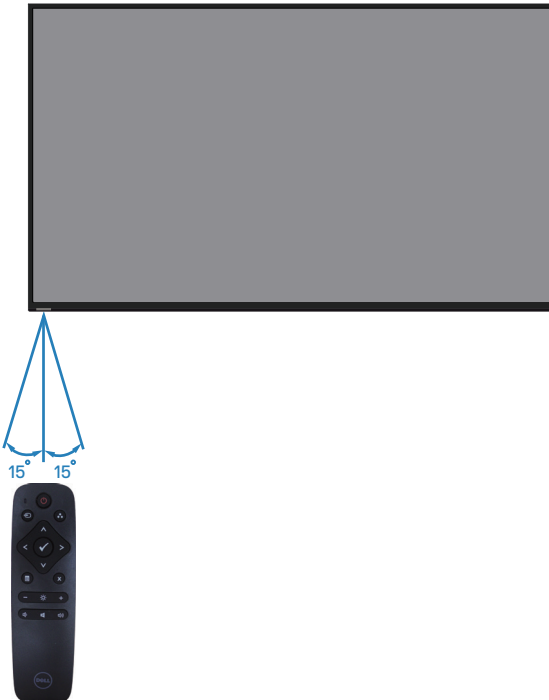
- Không đặt vào tình huống va đập mạnh.
- Không để nước hoặc chất lỏng khác văng vào điều khiển từ xa. Nếu điều khiển từ xa bị ướt, hãy lau khô ngay.
- Tránh tiếp xúc với nhiệt và hơi nước.
- Ngoài việc lắp pin vào, không được mở điều khiển từ xa.

Phạm vi hoạt động của điều khiển từ xa

Chĩa phần đỉnh điều khiển từ xa hướng về cảm biến từ xa trên màn hình LCD trong khi sử dụng nút bấm.


Sử dụng điều khiển từ xa trong khoảng cách khoảng 8 mét từ cảm biến điều khiển từ xa trên màn hình hoặc với một góc ngang hoặc thẳng 15° trong khoảng cách khoảng 5,6 mét.

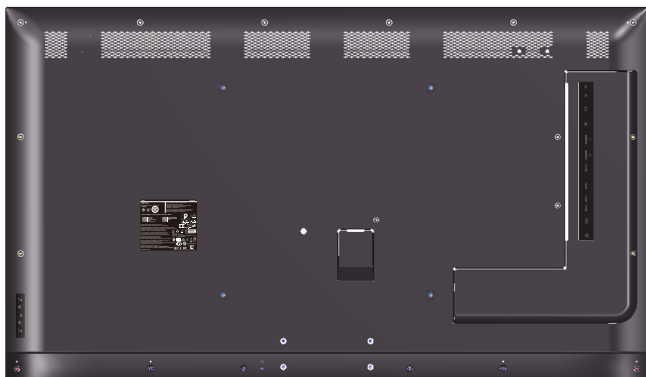
LƯU Ý: Điều khiển từ xa có thể không hoạt động thích hợp khi cảm biến điều khiển từ xa trên màn hình được đặt trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời hoặc ánh sáng cường độ cao, hoặc khi có vật cản trên đường truyền tín hiệu.



Sử dụng màn hình

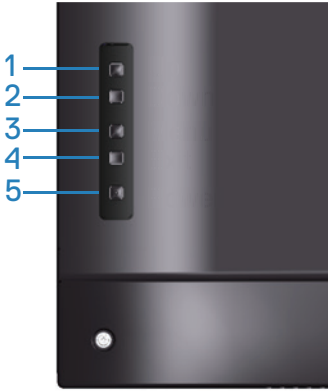
Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.








Sử dụng các nút điều khiển

Dùng các nút ở mặt sau màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.

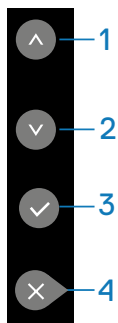






Bảng sau đây mô tả các nút điều khiển:

Các nút điều khiển	Mô tả
1  Lên	Dùng nút Lên để chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2  Xuống	Dùng nút Xuống để chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3  Menu	Dùng nút Menu này để bật Menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD) và chọn Menu OSD. Xem Truy cập menu OSD .
4  Thoát	Dùng nút Thoát để thoát menu ảo (OSD) khỏi menu và các menu phụ. Giữ khoảng 10 giây sẽ bật hoặc tắt khóa menu OSD.
5  Nguồn	Nhấn nút Nguồn để bật/tắt màn hình.



Các nút điều khiển menu OSD



	Các nút điều khiển	Mô tả
1	 Lên	Dùng nút Lên để chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2	 Xuống	Dùng nút Xuống để chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3	 OK	Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
4	 Thoát	Dùng nút Thoát để thoát menu ảo (OSD) khỏi menu và các menu phụ. Giữ khoảng 10 giây sẽ bật hoặc tắt khóa menu OSD.



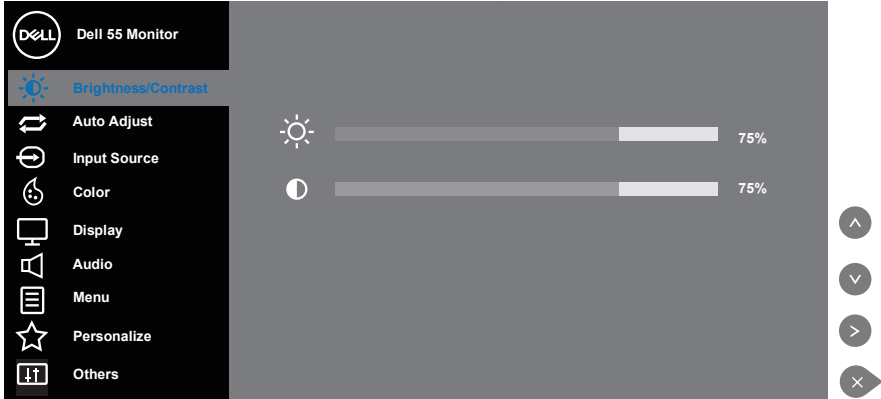
Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD)










Truy cập menu OSD

LƯU Ý: Mọi thay đổi mà bạn thực hiện qua menu OSD sẽ được lưu lại tự động nếu chuyển sang menu OSD khác, thoát menu OSD hoặc đợi menu OSD biến mất.


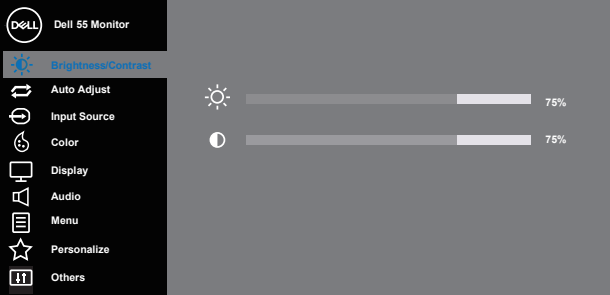
1. Nhấn nút  để hiển thị menu chính OSD.

Menu chính



2. Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm. Xem bảng sau để biết danh sách hoàn chỉnh của tất cả tùy chọn có sẵn cho màn hình.
3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa tô sáng.
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  rồi sử dụng các nút  hoặc  theo các đèn báo trên menu để thực hiện thay đổi.
6. Chọn nút  để trở về menu chính.



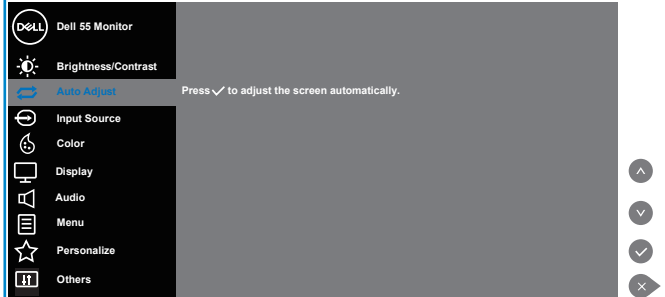
Biểu tượng	Menu và các menu phụ	Mô tả
	Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	<p>Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh brightness/contrast (Độ sáng/Độ tương phản).</p> 
	Brightness (Độ sáng)	<p>Độ sáng cho phép chỉnh độ sáng của đèn nền. Nhấn nút ▲ để tăng độ sáng và nhấn nút ▼ để giảm độ sáng (tối thiểu 0 ~ tối đa 100). LƯU Ý: Tùy chọn chỉnh thủ công cho Độ sáng sẽ bị tắt khi chuyển Độ tương phản động sang Bật.</p>
	Contrast (Độ tương phản)	<p>Chỉnh Độ sáng trước rồi chỉnh Độ tương phản chỉ khi cần phải chỉnh thêm. Nhấn nút ▲ để tăng độ tương phản và nhấn nút ▼ để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 ~ tối đa 100). Chức năng Độ tương phản cho phép chỉnh độ chênh lệch giữa mức sáng và mức tối trên màn hình.</p>





Auto Adjust (Chỉnh tự động)


Dùng nút này để kích hoạt cài đặt tự động và chỉnh menu.



Hộp thoại sau hiển thị trên màn hình đen khi màn hình tự chỉnh sang đầu vào hiện hành:

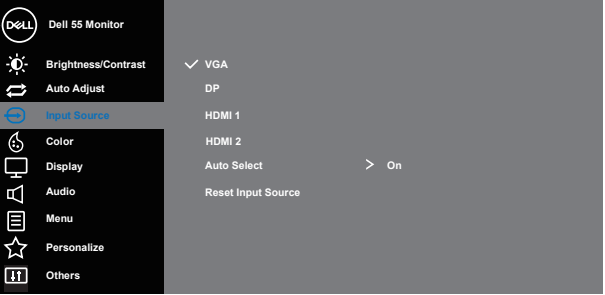

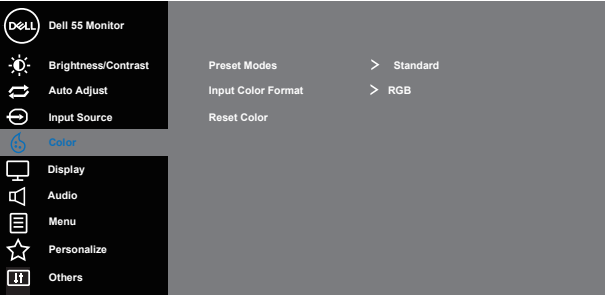
Auto Adjustment in Progress...

Chức năng Chỉnh tự động cho phép màn hình tự chỉnh sang tín hiệu video đầu vào. Sau khi sử dụng tùy chọn Auto Adjust (Chỉnh tự động), bạn có thể chỉnh thêm màn hình bằng cách sử dụng các nút điều khiển Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) (Thô) và Phase (Pha) (Mịn) trong **Display Settings (Cài đặt hiển thị)**.



 **LƯU Ý: Auto Adjust (Chỉnh tự động) không hiển thị nếu bạn nhấn nút này trong khi không có các tín hiệu đầu vào video hoạt động hoặc cáp đã kết nối.**

Tùy chọn này chỉ có sẵn khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) tương tự.



	Input Source (Nguồn vào)	<p>Dùng menu Input Source (Nguồn vào) để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.</p> 
	VGA	<p>Chọn đầu vào VGA khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) analog. Nhấn → để chọn nguồn vào VGA.</p>
	DP	<p>Chọn đầu vào Displayport khi bạn đang sử dụng cổng cắm DisplayPort (DP). Nhấn → để chọn nguồn vào DisplayPort.</p>
	HDMI 1	<p>Chọn đầu vào HDMI 1 khi bạn đang dùng đầu cắm HDMI 1. Nhấn → để chọn nguồn vào HDMI 1.</p>
	HDMI 2	<p>Chọn đầu vào HDMI 2 khi bạn đang dùng đầu cắm HDMI 2. Nhấn → để chọn nguồn vào HDMI 2.</p>
	Auto Select (Chọn tự động)	<p>Chọn Auto Select (Chọn tự động) để dò tìm các tín hiệu đầu vào khả dụng.</p>
	Reset Input Source (Cài lại đầu vào)	<p>Cài lại nguồn đầu vào của màn hình về giá trị mặc định gốc.</p>
	Color (Màu sắc)	<p>Dùng menu Color (Màu sắc) để chỉnh các cài đặt màu sắc màn hình.</p> 



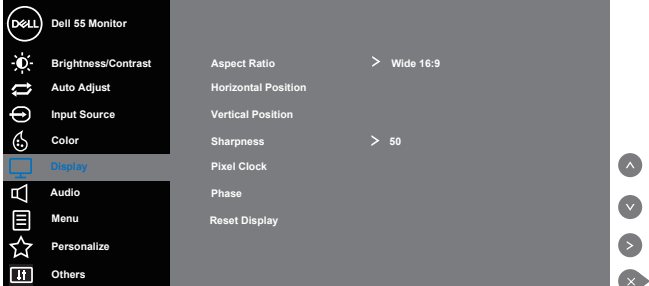
<p>Preset Modes (Chế độ cài sẵn)</p>	<p>Khi chọn Preset modes (Chế độ cài sẵn), bạn có thể chọn Standard (Chuẩn), ComfortView (Xem thoải mái), Color temp (Nhiệt độ màu) hoặc Custom Color (Màu tùy chỉnh) từ danh sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Standard (Chuẩn): Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định. • ComfortView (Xem thoải mái): Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn. • Color temp. (Nhiệt độ màu): Điều chỉnh Nhiệt độ màu dạng 5000K, 5700K, 6500K, 7500K, 9300K, 10000K. Màn hình hiển thị nóng hơn bằng sắc màu đỏ/vàng với thanh trượt được thiết lập ở mức 5,000K hoặc mát hơn bằng sắc màu lam với thanh trượt được thiết lập ở mức 10,000K. • Custom Color (Màu tùy chỉnh): Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Nhấn các nút  và  để chỉnh các giá trị Red (Đỏ), Green (Lục) và Blue (Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng của bạn. <p>⚠ CẢNH BÁO: Các ảnh hưởng lâu dài tiềm ẩn của việc phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây thương tật cá nhân như căng mắt kỹ thuật số, mỏi mắt và tổn thương mắt. Sử dụng màn hình trong thời gian dài cũng có thể gây đau ở các bộ phận cơ thể như cổ, cánh tay, lưng và vai.</p> <p>Để giảm nguy cơ căng mắt và đau cổ/cánh tay/lưng/vai khi sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi khuyên bạn:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặt màn hình cách mắt bạn từ 100 - 500 cm (40 đến 197 inch). 2. Thường xuyên nháy mắt để làm ẩm mắt hoặc nhỏ mắt bằng nước sau khi sử dụng màn hình trong thời gian dài. 3. Thường xuyên nghỉ giải lao đều đặn trong 20 phút mỗi hai giờ. 4. Tránh nhìn màn hình của bạn và nhìn chăm chú vào một vật ở xa cách 20 foot trong ít nhất 20 giây khi nghỉ giải lao. 5. Tiến hành duỗi cơ để giảm căng cổ, cánh tay, lưng và vai khi nghỉ giải lao.
---	---



	Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)	Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang: <ul style="list-style-type: none"> • RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu phát DVD qua cáp HDMI (hoặc cáp DisplayPort). • YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.
	Reset Color (Cài lại màu)	Thiết lập lại các cài đặt màu sắc của màn hình về giá trị mặc định gốc.



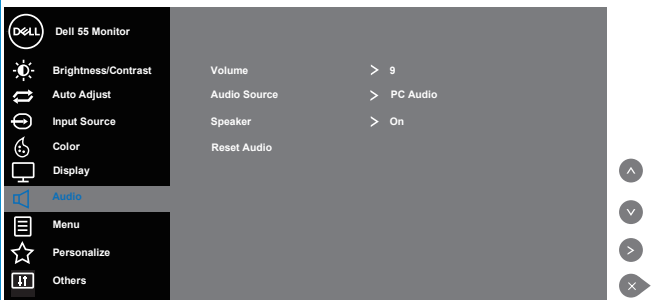


Display (Hiện thị)	<p>Sử dụng Hiện thị để chỉnh hình.</p> 
Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	<p>Chỉnh tỷ lệ hình thành Wide 16:9 (Rộng 16:9), 4:3 hoặc 5:4.</p> <p>LƯU Ý: Điều chỉnh độ Wide 16:9 (Rộng 16:9) không bắt buộc ở độ phân giải cài sẵn tối đa 3840 x 2160.</p>
Horizontal Position (Vị trí ngang)	<p>Dùng các nút hoặc để chỉnh hình ảnh sang trái và phải. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p>
Vertical Position (Vị trí dọc)	<p>Dùng các nút hoặc để chỉnh hình ảnh lên và xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p>
Sharpness (Độ sắc nét)	<p>Tính năng này có thể giúp hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng hoặc để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.</p> <p>LƯU Ý: Giá trị 100 sẽ sắc nét hơn.</p>
Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh)	<p>Các điều chỉnh Phase (Pha) và Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) cho phép chỉnh màn hình sang lựa chọn ưu tiên của bạn. Dùng các nút hoặc để chỉnh chất lượng hình ảnh tốt nhất. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p>
Phase (Pha)	<p>Nếu chưa đạt được kết quả mong muốn qua việc điều chỉnh Pha, hãy sử dụng điều chỉnh Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) (thô) và sau đó sử dụng lại Phase (Pha) (mịn). Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p>
Reset Display (Cài lại hiển thị)	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.</p>
<p>LƯU Ý: Điều chỉnh Horizontal Position (Vị trí ngang), Vertical Position (Vị trí dọc), Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) và Phase (Pha) chỉ có sẵn cho đầu vào VGA.</p>	





Audio (Âm thanh)



Volume (Âm lượng)

Sử dụng các nút để chỉnh âm lượng. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Audio Source (Nguồn âm thanh)

Cho phép bạn cài chế độ Audio Source (Nguồn âm thanh) sang:

- PC Audio (Âm thanh PC)
- HDMI 1 (hoặc HDMI X hoặc DP)

Speaker (Loa)

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng loa.

Reset Audio (Cài lại âm thanh)

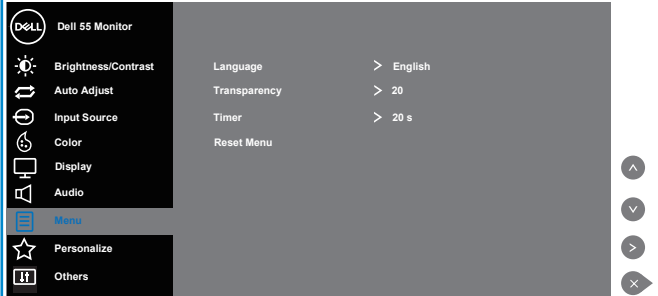
Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.





Menu

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này vẫn còn trên màn hình và vân vân.



Language (Ngôn ngữ)

Cho phép bạn cài hiển thị menu OSD sang một trong tám ngôn ngữ (English, Español, Français, Deutsch, Português (Brasil), Русский, 简体中文 hoặc 日本語).

Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt menu bằng cách nhấn các nút và từ 0 đến 100.


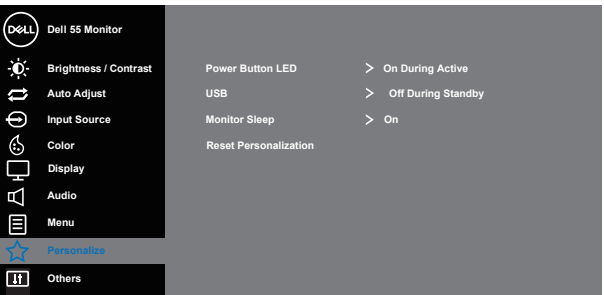
Timer (Hẹn giờ)

Cho phép bạn cài giờ mà theo đó menu OSD sẽ vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút trên màn hình. Dùng các nút và để chỉnh thanh trượt tăng 1 giây từ 5 đến 60.

Reset Menu (Cài lại menu)

Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt menu mặc định.

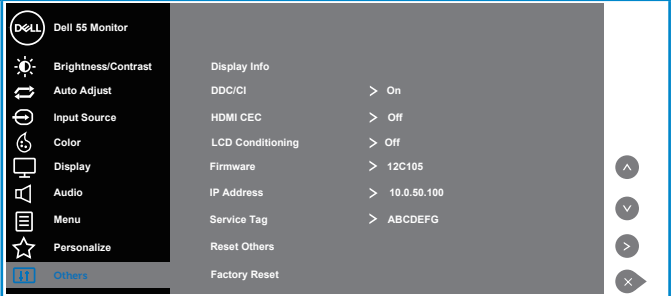


	Personalize (Cá nhân hóa)	<p>Người dùng có thể chọn một tính năng từ Power Button LED (Đèn LED nút nguồn), USB, Monitor Sleep (Chế độ chờ màn hình) hoặc Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa).</p> 
	Power Button LED (Đèn LED nút nguồn)	<p>Cho phép bạn cài đèn báo LED nguồn sang On During Active (Bật trong khi hoạt động) hoặc Off During Active (Tắt trong khi hoạt động) để tiết kiệm điện.</p>
	USB	<p>Cho phép bạn cài USB sang On During Standby (Bật khi chờ) hoặc Off During Standby (Tắt khi chờ) để tiết kiệm năng lượng.</p>
	Monitor Sleep (Chế độ chờ màn hình)	<p>Chọn Off (Tắt) để tắt tính năng này.</p>
	Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)	<p>Cho phép bạn phục hồi phím tắt về cài đặt mặc định.</p>



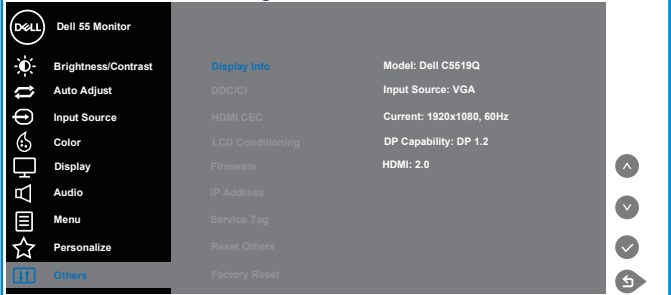


Others (Khác)



Display Info (Hiển thị thông tin)

Nhấn để hiển thị thông tin về màn hình.

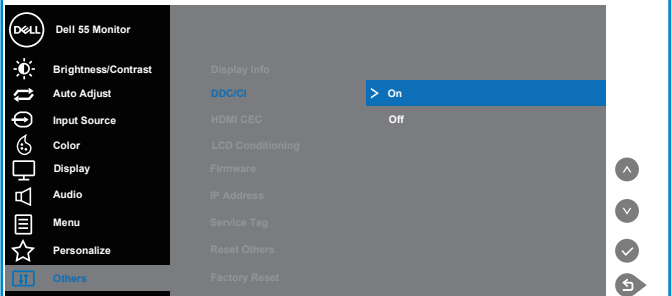


DDC/CI

DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/giao diện lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số kỹ thuật của màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên máy tính.

Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Off (Tắt).

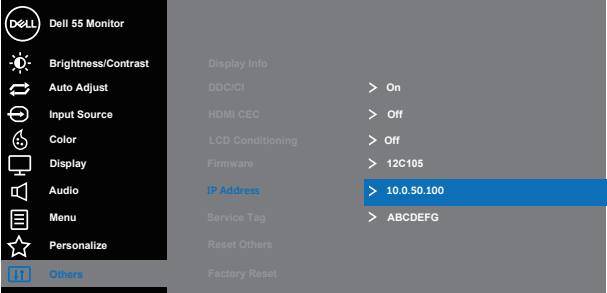
Bật tính năng này bằng cách chọn bật cho trải nghiệm người dùng tốt nhất và hiệu suất tối ưu của màn hình.



HDMI CEC

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng HDMI CEC.

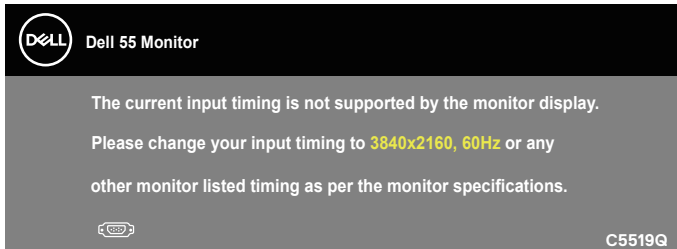


LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)	Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động. Để bật LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), chọn On (Bật).
Firmware	Hiển thị phiên bản firmware về màn hình.
IP Address (Địa chỉ IP)	<p>Chọn tùy chọn này để truy cập công cụ Quản lý web của Màn hình Dell. (Để biết thêm thông tin, xem Quản lý Ethernet/Web Màn hình Dell)</p>  <p>The screenshot shows the Dell 55 Monitor OSD menu. The 'IP Address' option is highlighted in blue, with the value '10.0.50.100' displayed next to it. Other visible options include 'Brightness/Contrast', 'Auto Adjust', 'Input Source', 'Color', 'Display', 'Audio', 'Menu', 'Personalize', 'Others', 'Display Info', 'DDC/CI', 'HDMI CEC', 'LCD Conditioning', 'Firmware', 'Service Tag', 'Reset Others', and 'Factory Reset'.</p>
Service Tag (Thẻ dịch vụ)	Hiển thị số thẻ dịch vụ của màn hình.
Reset Others (Cài lại tùy chọn khác)	Cài lại mọi cài đặt trong menu cài đặt khác về giá trị cài đặt gốc.
Factory Reset (Cài về mặc định gốc)	Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.



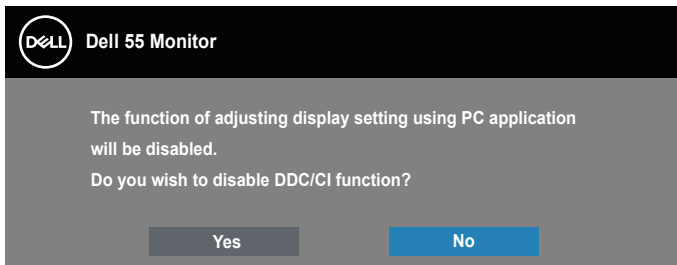
Thông tin cảnh báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải cụ thể, bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau:

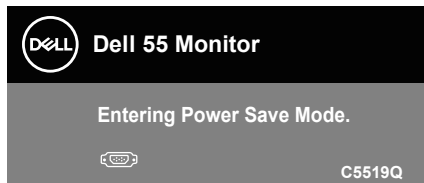


Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết các biên độ tần số ngang và dọc do màn hình này truyền phát. Chế độ khuyến dùng là 3840 x 2160.

Thông tin sau sẽ hiển thị trước khi tắt chức năng **DDC/CI**:



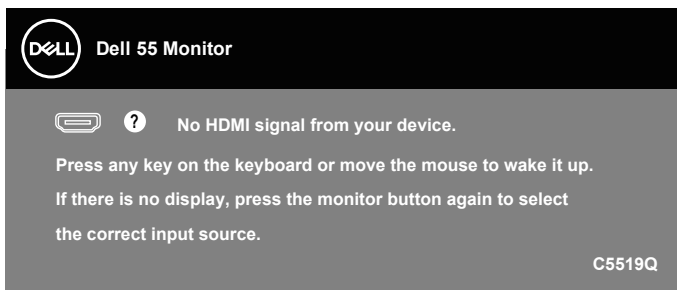
Khi màn hình chuyển sang chế độ **Power Save (Tiết kiệm điện)**, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



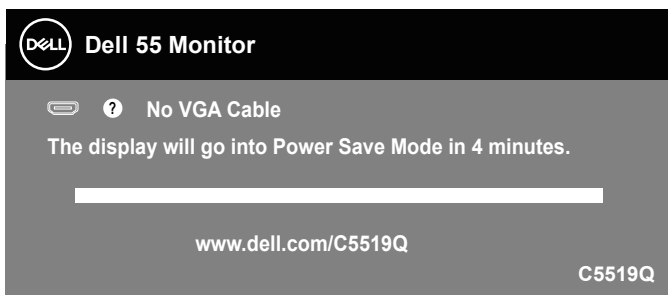
Kích hoạt máy tính và khởi động lại màn hình để truy cập vào [Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình \(OSD\)](#).

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy vào lựa chọn đầu vào:

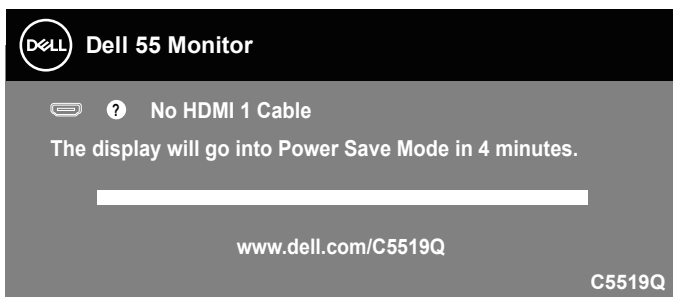


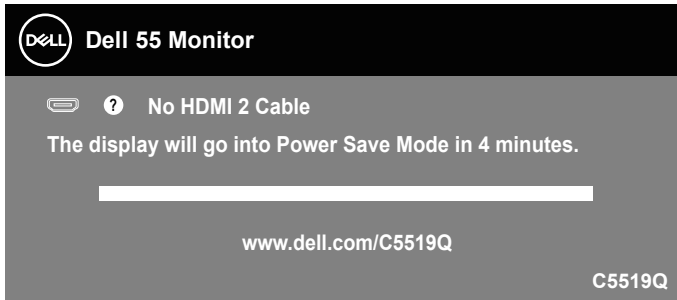


Nếu chưa cắm cáp VGA, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị. Màn hình sẽ vào chế độ tiết kiệm điện sau 4 phút nếu vẫn còn giữ ở trạng thái này.

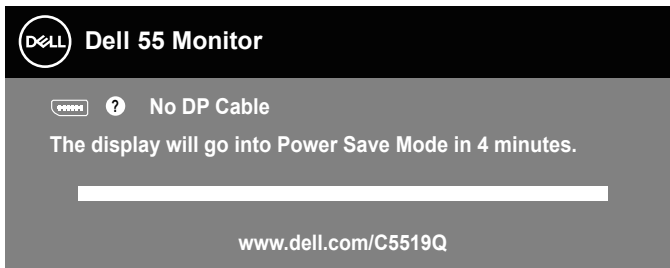


Nếu chưa kết nối cáp HDMI, một hộp thoại nổi như hình minh họa dưới đây sẽ xuất hiện. Màn hình sẽ vào chế độ tiết kiệm điện sau 4 phút nếu vẫn còn giữ ở trạng thái này.





Nếu chưa kết nối cáp DP, một hộp thoại nổi như hình minh họa dưới đây sẽ xuất hiện. Màn hình sẽ vào chế độ tiết kiệm điện sau 4 phút nếu vẫn còn giữ ở trạng thái này.

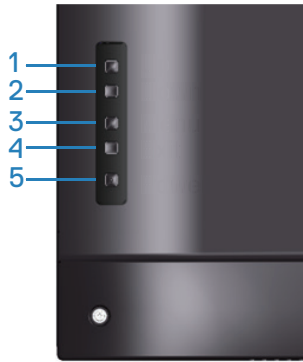



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.




Quản lý Ethernet/Web Màn hình Dell

Trước khi truy cập tính năng Quản lý Web Màn hình Dell, đảm bảo Ethernet đang hoạt động bình thường.



Bật Ethernet: Giữ phím Lên (nút 1) trong 4 giây để bật Ethernet (khi Ethernet đã tắt), một biểu tượng mạng  sẽ hiển thị giữa màn hình trong 4 giây.

Tắt Ethernet: Giữ phím Lên (nút 1) trong 4 giây để tắt Ethernet (khi Ethernet đã bật), một biểu tượng mạng  sẽ hiển thị giữa màn hình trong 4 giây.

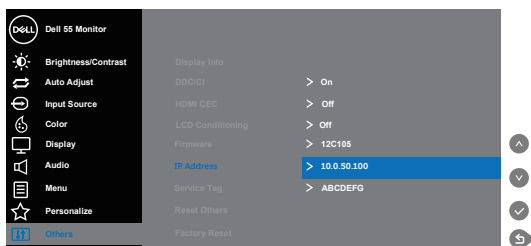
LUU Ý: Cổng RS232 vẫn được bật, dù Ethernet đã được bật hay tắt.

Màn hình này có sẵn chức năng kết nối mạng cho phép bạn truy cập và thay đổi các cài đặt từ xa như Lựa chọn nguồn vào, Độ sáng và Âm lượng.

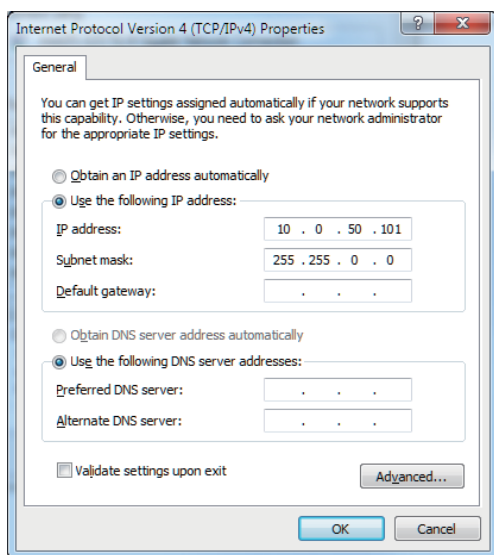
Để truy cập công cụ Quản lý Web Màn hình Dell, bạn cần cài các địa chỉ IP cho máy tính và màn hình.

1. Nhấn nút Menu trên điều khiển từ xa để hiển thị Địa chỉ IP của màn hình hoặc bằng cách chuyển sang OSD Menu (Menu OSD) > Others (Khác). Theo mặc định, Địa chỉ IP là 10.0.50.100





2. Trong thẻ IP Properties (Thuộc tính IP) của máy tính, hãy chỉ rõ địa chỉ IP bằng cách chọn Use the following IP address (Dùng địa chỉ IP sau) và nhập các giá trị sau: Đối với IP address (Địa chỉ IP): 10.0.50.101 và đối với Subnet Mask (Mặt nạ mạng phụ): 255.255.0.0 (hãy để trống mọi mục nhập khác).



3. Lúc này cấu hình địa chỉ IP sẽ trông như thế này:



Thiết lập địa chỉ IP trên máy tính xách tay sang
10.0.50.101

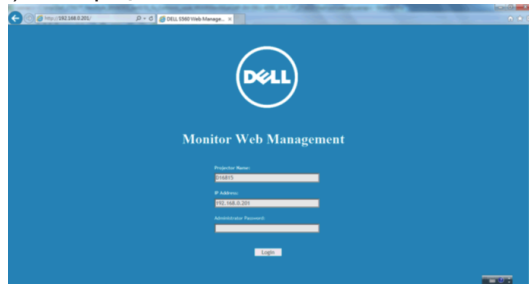


Địa chỉ IP trên màn hình
10.0.50.100

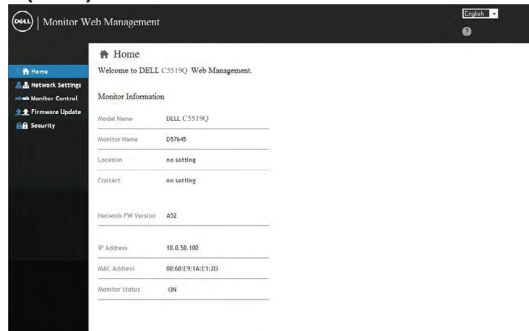
Để truy cập và sử dụng công cụ quản lý web, hãy thực hiện theo các bước sau:



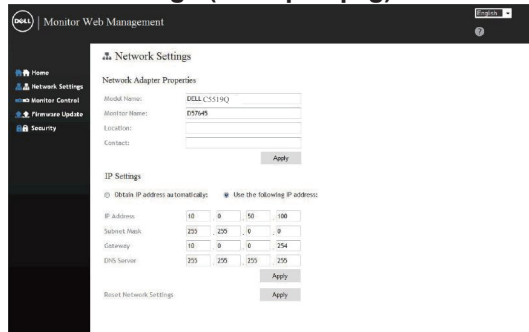
1. Mở trình duyệt web và nhập địa chỉ IP (10.0.50.100) của màn hình vào thanh địa chỉ.
2. Trang đăng nhập sẽ mở ra. Nhập Administrator Password (Mật khẩu quản trị viên) để tiếp tục.



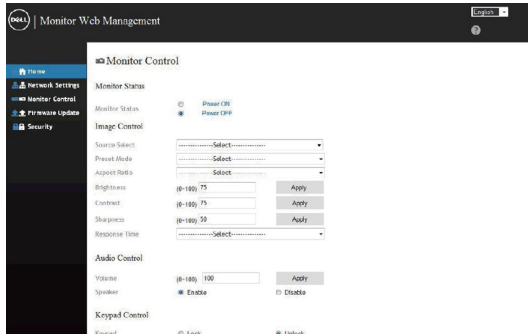
3. Trang Home (Chủ) sẽ mở ra.



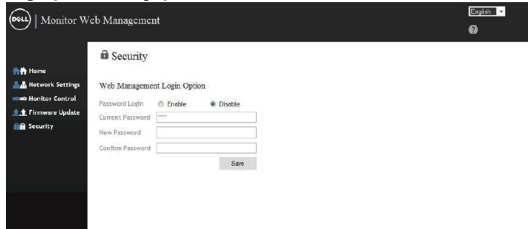
4. Nhấp thẻ Network Settings (Cài đặt mạng) để xem các cài đặt mạng.



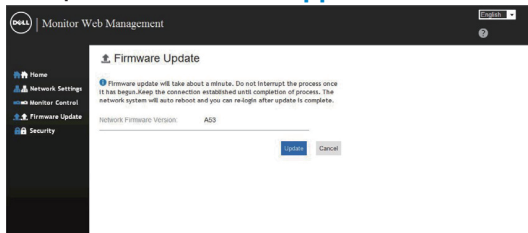
5. Nhấp **Display Control (Điều khiển màn hình)** để xem trạng thái của màn hình.



6. Nhấp **Security (Bảo mật)** để cài mật khẩu



7. Cập nhật **Firmware**. Bạn có thể tải về các driver mới nhất từ trang web Hỗ trợ của Dell tại www.dell.com/support



8. Nâng cấp trang Firmware và chờ 30 giây.



Upgrade Firmware

Please select a file (~.bin) to upgrade : C:\Users\Administrator\Desktop\...

Upgrade

Cancel

(Upgrading firmware may take 60 seconds)



Upgrade must NOT be interrupted !

9. Đã kết thúc, nhấp vào nút để tiếp tục sau 8 giây.

Please wait.

Click on button to proceed after 8 seconds.

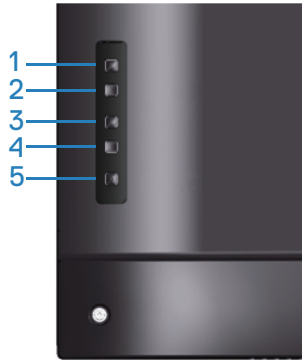
Waiting (6)



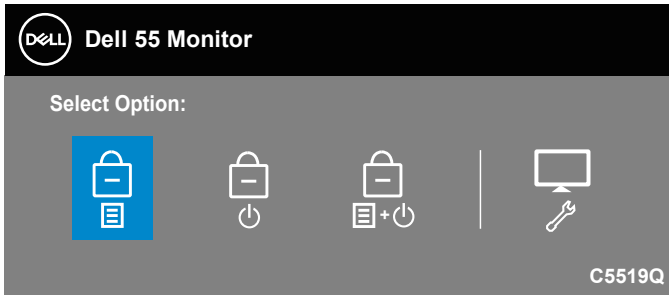
Khóa OSD và nút nguồn

Kiểm soát người dùng truy cập vào các điều chỉnh.

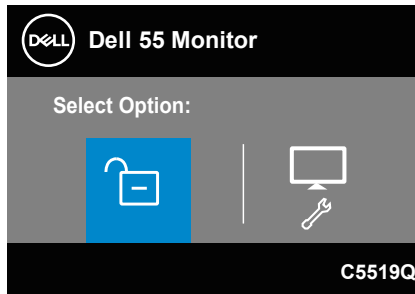
Cài đặt mặc định của khóa OSD được cài sang mở khóa.







Để vào menu khóa OSD: Giữ phím Thoát (nút 4) trong 4 giây để hiển thị menu khóa OSD (khi OSD đã mở khóa), một menu khóa OSD sẽ hiển thị giữa màn hình trong 4 giây.





Để vào menu mở khóa OSD: Giữ phím Thoát (nút 4) trong 4 giây để hiển thị menu khóa OSD (khi OSD đã khóa), một menu mở khóa OSD sẽ hiển thị giữa màn hình trong 4 giây.



Có ba mức khóa.

	Menu	Mô tả
1	Khóa menu OSD 	Khi đã chọn “Khóa menu OSD”, bạn không được phép thực hiện các điều chỉnh người dùng. Tất cả các nút bị khóa trừ nút nguồn.
2	Khóa nút tắt nguồn 	Khi chọn “Khóa nút tắt nguồn”, người dùng không thể tắt màn hình qua nút nguồn.
3	Khóa menu OSD + Khóa nút tắt nguồn 	Khi chọn “Khóa menu OSD + Khóa nút tắt nguồn”, bạn không được phép điều chỉnh người dùng và nút tắt nguồn sẽ bị khóa.
4	Chẩn đoán tích hợp 	Xem Chẩn đoán tích hợp để biết thêm thông tin.

 **LƯU Ý: ĐỂ vào menu OSD Lock or Unlock (Khóa hoặc mở khóa OSD)**
- Nhấn và giữ phím Exit (nút 4) trong 4 giây.

Biểu tượng  sẽ hiển thị ở giữa màn hình trong các điều kiện sau đây - có nghĩa là OSD đang ở trạng thái khóa.

1. Nhấn phím Lên (nút 1), Xuống (nút 2), Menu (nút 3) hoặc Thoát (nút 4) khi ở trạng thái “Khóa menu OSD”.
2. Nhấn phím Nguồn (nút 5) khi ở trạng thái “Khóa nút tắt nguồn”.
3. Nhấn bất kỳ nút nào trên màn hình khi ở trạng thái “Khóa menu OSD + Khóa nút tắt nguồn”.

Khi OSD ở trạng thái khóa, hãy giữ phím Thoát (nút 4) trong 4 giây để vào menu mở khóa OSD.

Sau đó, chọn và áp dụng cho biểu tượng mở khóa  để nhả khóa OSD.



Khắc phục sự cố

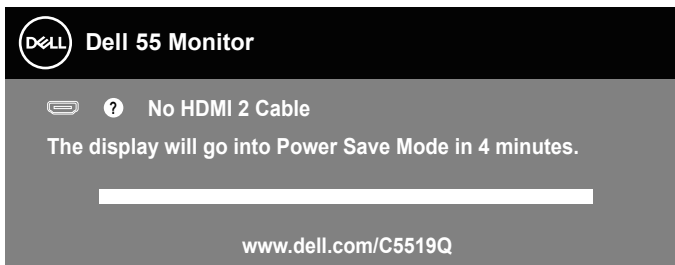
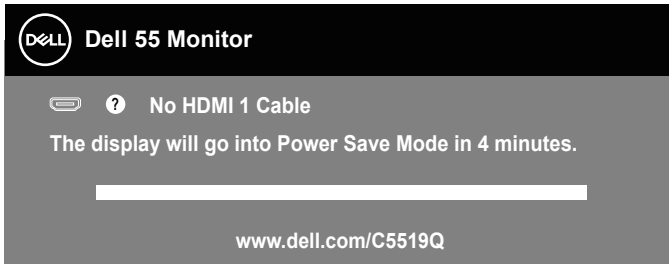
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).

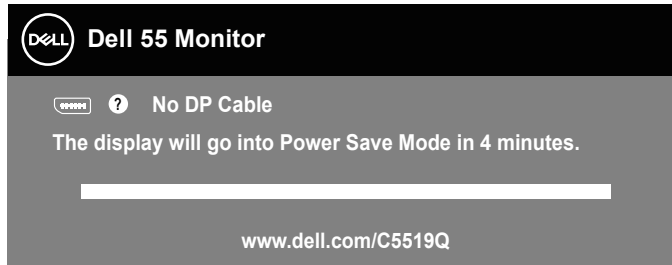
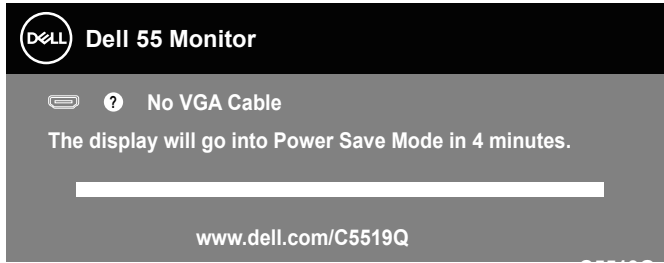
Tự kiểm tra


Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút mọi loại cáp video ra khỏi màn hình. Theo cách này, máy tính sẽ không có sự kết nối liên quan.
3. Bật màn hình.

Nếu màn hình đang hoạt động thích hợp thì phát hiện không có tín hiệu và thông báo sau đây sẽ hiển thị. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.





 **LƯU Ý:** Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường, nếu cáp video bị rút ra hoặc bị hỏng.

4. Tắt màn hình và cắm lại cáp video; sau đó, bật cả máy tính và màn hình của bạn.

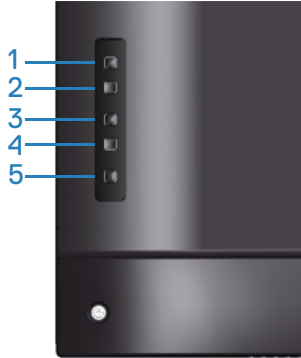
Nếu màn hình vẫn còn đen sau khi bạn cắm lại các loại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính.



Chẩn đoán tích hợp

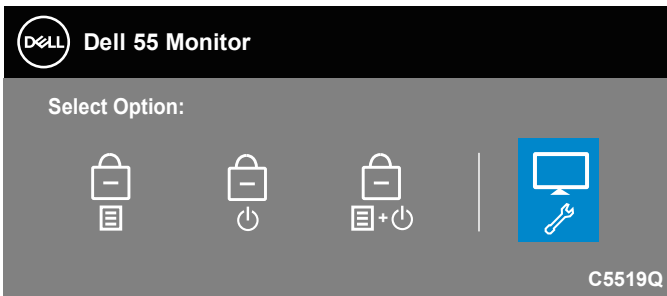
Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem hoạt động bất thường của màn hình mà bạn đang gặp phải có phải là sự cố vốn có của màn hình hay của máy tính và card video.


LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi đã rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ phím Thoát (nút 4) trong 4 giây để vào menu mở khóa/mở khóa OSD.



4. Chọn biểu tượng  để bật công cụ chẩn đoán tích hợp.



5. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
6. Nhấn lại phím Lên (nút 1) ở nắp vỏ phía sau. Màu màn hình sẽ đổi sang màu xám.
7. Kiểm tra màn hình để phát hiện mọi bất thường.
8. Lặp lại bước 6 và 7 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu đỏ, lục, lam, đen, trắng và kiểu văn bản.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình kiểu văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại phím Lên (nút 1).

Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động thích hợp. Kiểm tra card video và máy tính.



Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây chứa thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi.

Triệu chứng thường gặp	Giải pháp khả thi
Không có video/Đèn LED nguồn tắt	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo đã nhấn nút nguồn.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Input Source (Nguồn vào).
Không video/Đèn LED nguồn bật	<ul style="list-style-type: none">• Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Input Source (Nguồn vào).
Lấy nét kém	<ul style="list-style-type: none">• Rút cáp mở rộng video.• Cài lại màn hình về Cài đặt gốc (Cài về mặc định gốc).• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp.
Video rung/chập chờn	<ul style="list-style-type: none">• Cài lại màn hình về cài đặt gốc (Cài về mặc định gốc).• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác.
Thiếu điểm ảnh	<ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại: www.dell.com/support/monitors.
Điểm ảnh bị dính	<ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại: www.dell.com/support/monitors.
Sự cố độ sáng	<ul style="list-style-type: none">• Cài lại màn hình về Cài đặt gốc (Cài về mặc định gốc).• Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.
Méo hình	<ul style="list-style-type: none">• Cài lại màn hình về Cài đặt gốc (Cài về mặc định gốc).• Chỉnh các nút điều khiển ngang & dọc qua menu OSD.



Đường ngang/dọc	<ul style="list-style-type: none"> • Cài lại màn hình về Cài đặt gốc (Cài về mặc định gốc). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Sự cố đồng bộ hóa	<ul style="list-style-type: none"> • Cài lại màn hình về Cài đặt gốc (Cài về mặc định gốc). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chồng lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn.
Sự cố liên quan đến an toàn	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ ngay với Dell.
Sự cố gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Cài lại màn hình về Cài đặt gốc (Cài về mặc định gốc). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.
Thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.
Màu sắc không đúng	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi Color Setting Mode (Chế độ cài đặt màu) trong menu OSD Color Settings (Cài đặt màu) sang Graphics (Ảnh đồ họa) hoặc Video tùy thuộc vào ứng dụng. • Thử Preset Modes (Chế độ cài sẵn) khác nhau trong menu OSD Cài đặt màu. Chỉnh giá trị R/G/B trong Custom Color (Màu tùy chỉnh) trên menu OSD Color settings (Cài đặt màu). • Đổi Input Color Format (Định dạng màu đầu vào) sang RGB hoặc YPbPr trong menu OSD Color settings (Cài đặt màu). • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng tính năng Quản lý năng lượng để tắt màn hình mỗi khi không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý nguồn). • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.
Bóng mờ hoặc phủ quá rộng video	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi Response Time (Thời gian phản hồi) trong menu OSD Display (Hiển thị) sang Fast (Nhanh) hoặc Normal (Thường) tùy thuộc vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn.



Sự cố liên quan đến sản phẩm


Triệu chứng cụ thể Giải pháp khả thi

Ảnh màn hình quá nhỏ	<ul style="list-style-type: none">• Chọn cài đặt Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình) trong menu OSD Display settings (Cài đặt hiển thị).• Cài lại màn hình về Cài đặt gốc (Cài về mặc định gốc).
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt sau.	<ul style="list-style-type: none">• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.• Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút menu trong 10 giây để mở khóa.
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ chờ hoặc không hoạt động bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.• Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần.• Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.



Phụ lục

Hướng dẫn an toàn

 **CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về các hướng dẫn an toàn, hãy xem Thông tin Môi trường An toàn và Quy định (SERI).

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác

Để biết thông báo FCC và các thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

 **LƯU Ý:** Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

Để có được nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:

1. Truy cập www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập www.dell.com/support.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong danh sách **Chọn quốc gia/khu vực** sổ xuống ở cuối trang.
3. Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** ở bên trái trang web.
4. Chọn liên kết hỗ trợ hoặc dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.



Thiết lập màn hình của bạn

Cài độ phân giải màn hình sang 3840 x 2160 (tối đa)

Để đạt hiệu suất tối ưu, cài độ phân giải màn hình sang 3840 x 2160 pixels bằng cách thực hiện các bước sau:

Trên Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp vào danh sách độ phân giải màn hình sổ xuống và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp **OK**.

Trên Windows 10:


1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền máy tính và nhấp **Display settings (Cài đặt màn hình)**.
2. Nhấp **Advanced display settings (Cài đặt màn hình nâng cao)**.
3. Nhấp danh sách **Resolution (Độ phân giải)** sổ xuống và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

Nếu không nhìn thấy độ phân giải đề nghị dưới dạng một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver card đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và thực hiện theo các bước hướng dẫn.



Máy tính Dell

1. Truy cập www.dell.com/support, nhập các chữ hoa đầu tên bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
2. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang mức **3840 x 2160**.

 **LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải khuyên dùng, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.**


Máy tính không phải của Dell

Trên Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Personalization (Cá nhân hóa)**.
3. Nhấp **Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình)**.
4. Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ nội dung mô tả ở đầu cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: www.ATI.com hoặc www.AMD.com).
7. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang mức **3840 x 2160**.

Trên Windows 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền máy tính và nhấp **Display settings (Cài đặt màn hình)**.
2. Nhấp **Advanced display settings (Cài đặt màn hình nâng cao)**.
3. Nhấp **Display adapter properties (Thuộc tính card màn hình)**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
5. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: www.ATI.com hoặc www.NVIDIA.com).
6. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang mức **3840 x 2160**.

 **LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải khuyên dùng, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.**



Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình



CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.



CHÚ Ý: Đọc và thực hiện theo **Hướng dẫn an toàn** trước khi vệ sinh màn hình.

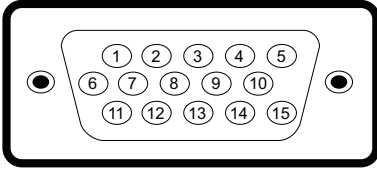
Để thực hành tốt nhất, hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hoặc cầm nắm màn hình:

- Để vệ sinh màn hình khử tĩnh điện, thấm ướt sơ khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn mềm hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm nắm màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước và hiện ra các vết mòn trắng nhiều hơn màn hình màu sáng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.



Cách gán chấu cắm

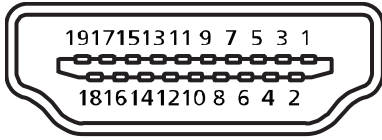
Đầu cắm VGA



Số chân cắm	Cạnh màn hình có cáp tín hiệu bên cạnh 15 chân cắm
1	Video-Đỏ
2	Video-Lục
3	Video-Lam
4	GND
5	Tự kiểm tra
6	GND-R
7	GND-G
8	GND-B
9	DDC +5 V
10	GND-sync
11	GND
12	DDC data
13	H-sync
14	V-sync
15	DDC clock



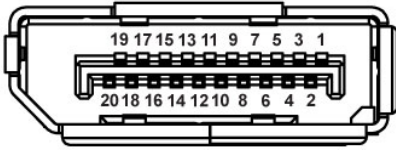
Đầu cắm HDMI



Số chân cắm	Cạnh màn hình có cáp tín hiệu bên cạnh 19 chân cắm
1	TMDS Data2+
2	TMDS Data2 Shield
3	TMDS Data2-
4	TMDS Data1+
5	TMDS Data1 Shield
6	TMDS Data1-
7	TMDS Data0+
8	TMDS Data0 Shield
9	TMDS Data0-
10	TMDS Clock+
11	TMDS Clock Shield
12	TMDS Clock-
13	CEC
14	Dành riêng (N.C. trên thiết bị)
15	SCL
16	SDA
17	Tiếp đất DDC/CEC
18	Nguồn điện +5V
19	Phát hiện cắm nóng



Cổng cắm DP




Số chân cắm	Mặt 20 chân cắm của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	ML0 (p)
2	GND
3	ML0 (n)
4	ML1 (p)
5	GND
6	ML1 (n)
7	ML2 (p)
8	GND
9	ML2 (n)
10	ML3 (p)
11	GND
12	ML3 (n)
13	GND
14	GND
15	AUX (p)
16	GND
17	AUX (n)
18	GND
19	Re-PWR
20	+3.3 V DP_PWR




Buýt nối tiếp đa năng (USB)


Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có sẵn trên màn hình. Màn hình có các cổng USB sau:

- 1 cổng USB 3.0 upstream
- 2 cổng USB 3.0 downstream
- 1 cổng sạc chuyên dụng USB
- Cổng sạc pin - cổng có biểu tượng ; hỗ trợ khả năng sạc nhanh nếu thiết bị tương thích chuẩn BC1.2.

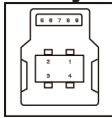

 **LƯU Ý: Chức năng USB 3.0 cần sử dụng máy tính tương thích chuẩn USB 3.0.**

 **LƯU Ý: Các cổng USB trên màn hình chỉ hoạt động khi màn hình được bật hoặc ở chế độ tiết kiệm điện. Nếu bạn tắt màn hình rồi bật lại, có thể mất vài giây để các thiết bị ngoại vi đã kết nối trở lại hoạt động bình thường.**

Tốc độ truyền	Tốc độ dữ liệu	Mức tiêu thụ điện*
Siêu tốc gấp 2 lần	5 Gb/giây	4,5 W (Tối đa cho mỗi cổng)
Tốc độ cao	480 Mb/giây	4,5 W (Tối đa cho mỗi cổng)
Tốc độ tối đa	12 Mb/giây	4,5 W (Tối đa cho mỗi cổng)

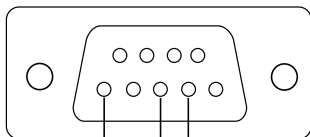
*Lên đến 2A cho cổng USB nối vào thiết bị cá nhân (cổng có biểu tượng ) với thiết bị tương thích chuẩn BC1.2 hoặc thiết bị USB thông thường.



Cổng USB 3.0 upstream (dùng cho máy tính)		Cổng USB 3.0 downstream (dùng cho thiết bị cá nhân)	
			
Số chân cắm	Tên tín hiệu	Số chân cắm	Tên tín hiệu
1	VBUS	1	VBUS
2	D-	2	D-
3	D+	3	D+
4	GND	4	GND
5	StdB_SSTX-	5	StdB_SSTX-
6	StdB_SSTX+	6	StdB_SSTX+
7	GND_DRAIN	7	GND_DRAIN
8	StdB_SSRX-	8	StdB_SSRX-
9	StdB_SSRX+	9	StdB_SSRX+
Shell	Shield	Shell	Shield

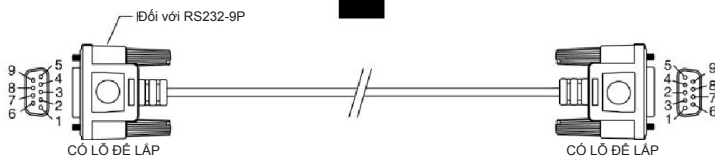
Đầu cắm RS232

Gắn chân cắm cho màn hình qua cổng RS232 (Màn hình đối diện)



Nam GND TXD RXD

Gắn chân cắm cáp liên lạc nối tiếp RS232 (Cáp đối diện)



Cách gán chân cắm

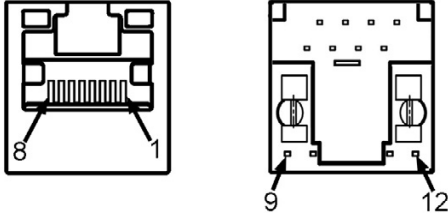
RS232	Mô tả chân cắm	RS232
1		
2	TXD	2
3	RXD	3
4		
5	NỐI TIẾP ĐẤT	5
6		
7	Không sử dụng	7
8	Không sử dụng	8
9		

Cài đặt kết nối giao thức RS232

Cài đặt kết nối	Giá trị
Tốc độ truyền	9600 bps
Số bit dữ liệu	8 bit
Mức bằng nhau	Không có
Số bit dừng	1 bit
Kiểm soát lưu lượng	Không có



Đầu cắm RJ-45



Cách gán chấu cắm

Số chân cắm	Phía đầu cắm 12 chân cắm
1	D+
2	D-
3	RCT
4	GND
5	GND
6	RCT
7	D+
8	D-
9	LED2 Y+
10	LED2 Y-
11	LED1 G+
12	LED1 G-

